

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../2022

Class: GOLD A2

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2: UNIT 6 - ARE WE THERE YET?

VOCABULARY 1

A. NEW LESSON:

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	coach (n) /kəʊtʃ/	xe khách; huấn luyện viên	15	suppose (v) /sə'pəʊz/	cho rằng, giả sử
2	sum up (phr.v)	tóm lại	16	tram (n) /træm/	xe điện
3	get around (phr.v)	đi xung/vòng quanh	17	underground (n) /'ʌndər'graʊnd/	tàu điện ngầm
4	bit (n) /bɪt/	một phần nhỏ, một góc	18*	passenger (n) /'pæsɪndʒər/	hành khách
5*	type of transport (n) /'trænsپɔ:rt/	loại phương tiện	19	sail a boat (v) /seɪl/	chèo thuyền
6	multiple choice (n) /'mʌltipl ˈtʃɔɪs/	trắc nghiệm nhiều lựa chọn	20	platform (n) /'plætfɔ:rm/	sân ga xe lửa
7*	option (n) /'ɑ:pʃn/	sự lựa chọn	21	port (n) /pɔ:rt/	cảng biển
8	except for /ɪk'sept/	ngoại trừ	22	magical /'mædʒɪkl/ = magic /'mædʒɪk/ (adj)	kì diệu, cuốn hút
9	once (conj) /wʌns/	khi mà, ngay khi	23	Spain (n) /speɪn/	Tây Ban Nha
	once /wʌns/ (adv)	một lần, đã từng	24	sight-seeing (n) /'saɪtsi:ɪŋ/	tham quan, ngắm cảnh
10	article (n) /'ɑ:rtɪkl/	bài báo	25	study for an exam	ôn thi
11	intention (n) /ɪn'tenʃn/	ý định, mục đích	26	take turns (to do something)	thay phiên nhau (để làm một cái gì đó)
12	prediction (n) /pri'dɪkʃn/	sự dự đoán, dự báo	27	international (adj) /'ɪntər'næʃnəl/	(thuộc) quốc tế
13*	it's a shame = it's a pity	thật đáng tiếc	28	Greece (n) /gri:s/	Hy Lạp
14	Portugal (n) /'pɔ:rtʃʊgl/	Bồ Đào Nha	29	tuk tuk (n) /'tok tok/	xe lam, xe 3 bánh

* Note: *n* = noun: *Danh từ*; *adj* = adjective: *Tính từ*; *v* = verb: *Động từ*

phr.v = phrasal verb: *Cụm động từ*; *conj* = conjunction: *Liên từ*; *adv* = adverb: *Trạng từ*

* **Những từ có ký hiệu *** thì có hai cách đọc.

* **Con** học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK:

I. Read the descriptions of the following words. Then write the complete words (the first letter is already there) (Đọc mô tả của các từ sau đây. Sau đó viết thành từ hoàn chỉnh (chữ cái đầu tiên đã được cho sẵn)):

0. The sound you make by playing instruments or singing.

Music

1. Something that you want and plan to do.

I _____

2. A long, flat raised structure at a railway station, where people get on and off trains.

P _____

3. A statement about what you think will happen in the future.

P _____

4. A railway system in which electric trains travel through tunnels below ground.

U _____

5. A person who is travelling in a vehicle but is not driving it, flying it, or working on it.

P _____

II. Circle the correct options to complete the first part of the article (Khoanh tròn các phương án đúng để hoàn thành phần đầu của bài báo sau):

Life-saving teenager

15-year-old Henry Pulman (0) **comes** / **is coming** / **was coming** from a small seaside village.

He (1) **loves** / **is loving** / **loved** the water and he regularly swims in the sea with his friends.

One day, Henry and his friends (2) **played** / **play** / **were playing** on the beach when they (3) **heard** / **are hearing** / **were hearing** shouts from someone. “I saw a boy in the sea and he (4) **calls** / **was calling** / **called** for help,” said Henry. “He sounded very scared.”

Henry (5) **wore** / **was wearing** / **is wearing** swimming shorts. He went straight into the water while his friends called the emergency services.

III. Fill in the blanks with the words from the box (Điền vào chỗ trống với những từ trong bảng):

interested in	magical	turns	pity	except for	sightseeing
----------------------	---------	-------	------	------------	-------------

0. *He did not seem very **interested in** what I was saying.*

1. It's a _____ to waste this food. Can you eat it?
2. The tourists went _____ in the suburbs of the city.
3. The change in the appearance of the room was _____.
4. I've cleaned the house _____ the bathroom.
5. They took _____ to look after the baby.

IV. Write questions using the Past Simple Tense and Past Continuous Tense (Viết câu hỏi sử dụng **Thì quá khứ đơn** và **Thì quá khứ tiếp diễn**):

0. *you / talk about school / while you / have dinner / last night?*

→ **Did you talk about school while you were having dinner last night?**

1. *you / listen to music / while you / do / your homework / yesterday?*

→ _____

2. *it / rain / when you / wake up / this morning?*

→ _____

3. *you / listen to the radio / while you / have breakfast / today?*

→ _____

4. *you / see / anything interesting / when you / travel to school / this morning?*

→ _____

5. *what / your friends / do / when you / arrive / at school / today?*

→ _____

Questions 19–24

For each question, choose the correct answer.

The festival of light

Diwali is an (19) Indian festival. It takes place every year in October or November during the autumn, and it lasts for five days. The word 'Diwali' (20) from Sanskrit, an ancient Indian language, and it (21) 'row of lights'. During the festival, people clean their homes, decorate them with lights and oil lamps, and enjoy (22) time with friends and family. They give each other gifts and sweets, eat delicious food, (23) fireworks and wear new clothes. Many people in the UK also celebrate Diwali. In the city of Leicester, thousands of people go out into the (24) to enjoy light shows, music and dancing.

19	A excellent	B interested	C important
20	A comes	B goes	C looks
21	A seems	B means	C looks
22	A making	B spending	C doing
23	A listen	B look	C watch
24	A streets	B areas	C paths